

Số: /TTr-SNNMT

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2022; số 37/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2022; số 38/2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Quyết định số 3267/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Lai Châu về ban hành Chương trình công tác năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu; Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2022 ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 37/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2022 ban hành Quy định một số nội dung về quản lý nước thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 38/2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2022 ban hành Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Lai Châu, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15.
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.
- Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15.
- Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.
- Căn cứ Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025.
- Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy

định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2022 ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2022 ban hành Quy định một số nội dung về quản lý nước thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2022 ban hành Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Cơ sở thực tiễn

Trong thời gian qua, tỉnh Lai Châu đã tích cực triển khai các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường trong đó đặc biệt chú trọng đến công tác quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, quản lý nước thải, chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh. Các Quyết định: Số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2022 ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 37/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2022 ban hành Quy định một số nội dung về quản lý nước thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 38/2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2022 ban hành Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Lai Châu được Ủy ban

nhân dân tỉnh ban hành đã tạo ra cơ sở pháp lý cho công tác quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, quản lý nước thải, chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh, góp phần vào công tác quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua theo quy định của pháp luật.

Thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, tỉnh Lai Châu đã thực hiện sắp xếp tổ chức các cơ quan, đơn vị và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp. Theo đó, sau khi sắp xếp tổ chức, bộ máy thì hiện nay nhiều cơ quan, đơn vị, tổ chức đã sáp nhập, hợp nhất; đặc biệt từ ngày 01/7/2025 mô hình chính quyền địa phương hai cấp đã chính thức đi vào hoạt động (không còn chính quyền cấp huyện). Nhiều căn cứ pháp lý viện dẫn trong các văn bản quy phạm pháp luật này được sửa đổi, bổ sung bởi các văn bản quy phạm pháp luật mới của Trung ương như: Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường... Vì vậy một số điều khoản trong các quyết định nêu trên không còn phù hợp với thực tế khi tổ chức bộ máy được sắp xếp lại; chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan chuyên môn đã thay đổi; các quy định không còn thống nhất, đồng bộ với quy định hiện hành.

Từ những lý do nêu trên, việc xây dựng và ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của 03 Quyết định nêu trên của Ủy ban nhân dân tỉnh là rất cần thiết, nhằm bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật; đáp ứng yêu cầu đồng bộ, thống nhất với tổ chức bộ máy chính quyền địa phương hai cấp, các quy định hiện hành; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường; đồng thời tạo hành lang pháp lý đầy đủ, rõ ràng và thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong áp dụng các quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

Việc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật nhằm sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật không phù hợp với quy định của cơ quan nhà nước cấp trên để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật.

Việc xây dựng một (01) Quyết định để sửa đổi, bổ sung nhiều Quyết định quy phạm pháp luật cùng do UBND tỉnh ban hành nhằm giảm bớt đầu mối cơ quan tham mưu soạn thảo văn bản sửa đổi, bổ sung; giảm thời gian cho các phòng, đơn vị có liên quan trong việc phải thực hiện các quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; giảm kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

Rà soát, xác định chính xác, đầy đủ các văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ.

Quá trình xây dựng dự thảo Quyết định cần tuân thủ các quy định của

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15) và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành trong quá trình xây dựng dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15) Sở Nông nghiệp và Môi trường đã thực hiện các công việc, cụ thể:

Trên cơ sở kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và Quyết định số 3267/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Lai Châu về ban hành Chương trình công tác năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổng hợp, rà soát lại tính pháp lý, lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung để soạn thảo 01 dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung 03 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

- Ngày 10/12/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 7986/UBND-TH tham mưu văn bản triển khai thực hiện phân cấp, ủy quyền đối với các nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã được rà soát theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 26-TB/TU ngày 24 tháng 10 năm 2025.

- Ngày 15/12/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 8107/UBND-TH rà soát, cụ thể hóa, triển khai thực hiện các văn bản của Trung ương.

- Ngày .../02/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Công văn số .../SNNMT-MTK về việc lấy ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan.

- Toàn bộ nội dung, hồ sơ dự thảo Quyết định đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải lên mục “LẤY Ý KIẾN VỀ DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT” trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Lai Châu từ ngày .../02/2026 đến ngày .../02/2026 và Sở Nông nghiệp và Môi trường cũng đã đăng tải trên Trang Thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại địa chỉ: <https://sonnmt.laichau.gov.vn/van-ban/xin-y-kien-du-thao-van-ban>, từ ngày .../02/2026 đến ngày .../02/2026.

- Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định: Số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2022; số 37/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2022; số 38/2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu để gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số ...SNNMT-MTK ngày .../02/2026.

5. Ngày .../.../2026, Sở Tư pháp đã có ý kiến thẩm định tại Báo cáo thẩm định số .../BC-STP; trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện nội dung

dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và xây dựng Tờ trình, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và có Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định tại Báo cáo số .../BC-SNNMT ngày .../03/2026.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Lai Châu: Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2022 ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2022 ban hành Quy định một số nội dung về quản lý nước thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2022 ban hành Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Đối tượng áp dụng:

+ Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có liên quan đến quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải; quản lý nước thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

+ Cơ sở y tế, bao gồm cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có giấy phép hoạt động theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở y tế dự phòng, cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở nghiên cứu, xét nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, thử nghiệm y, dược có phát sinh chất thải rắn y tế; các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động liên quan đến quản lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Bố cục của dự thảo Quyết định

Dự thảo Quyết định được xây dựng trên cơ sở Mẫu số 24 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

Bố cục dự thảo Quyết định được thiết kế gồm 04 Chương, 31 Điều, cụ thể như sau:

(1) Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 của Quy định ban hành kèm theo

Quyết định.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 9 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản tại Điều 21 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 22 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

(2) Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý nước thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản tại Điều 12 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 21. Bãi bỏ Điều 13 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 23. Thay thế một số cụm từ tại các điểm, khoản, điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

(3) Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 26. Bổ sung khoản 10 vào sau khoản 9 Điều 3 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 30. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 1 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

(4) Điều khoản thi hành

Điều 31. Điều khoản thi hành

3. Nội dung cơ bản

3.1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

“1. Quy định này quy định cụ thể khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 64; khoản 6 Điều 65; khoản 2, khoản 6 Điều 75; khoản 4 Điều 77; khoản 6 Điều 79; điểm c khoản 5 Điều 81; khoản 3 Điều 83 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15).”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

“2. Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) có trách nhiệm bố trí quỹ đất, quy hoạch vị trí, địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước; vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường. Việc bố trí thực hiện phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và điều kiện thực tế của địa phương; ưu tiên bố trí địa điểm đổ chất thải cùng khu vực xử lý chất thải rắn sinh hoạt.”.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung: Theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

(không còn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố). Nhiệm vụ bố trí quỹ đất, quy hoạch vị trí, địa điểm đổ chất thải được chuyển giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã là cấp quản lý trực tiếp địa bàn, nắm rõ điều kiện thực tế và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện. Việc điều chỉnh nhằm bảo đảm phù hợp với thẩm quyền hiện hành, tránh chồng chéo trách nhiệm và nâng cao hiệu quả quản lý chất thải tại cơ sở.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 9 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

“b) Chất thải thực phẩm (thức ăn thừa, rau, củ, quả....);”.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung: Cho phù hợp với Quyết định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Chủ nguồn thải thỏa thuận với đơn vị thu gom, vận chuyển CTRSH để vận chuyển đến địa điểm tập kết rác thải vào thời gian cố định hàng tháng (địa điểm, thời gian do Ủy ban nhân dân cấp xã quy định, tối thiểu 2 lần/tháng) để được thu gom, vận chuyển đến nơi tiếp nhận và phải trả chi phí cho đơn vị thu gom, vận chuyển, mức chi phí do hai bên tự thỏa thuận. Đơn vị thu gom, xử lý có thể thực hiện phân rã CTR công kênh và căn cứ tính chất của từng loại chất thải sau khi phân rã để vận chuyển, xử lý riêng từng loại, đối với chất thải không có yếu tố nguy hại được thực hiện như đối với CTRSH thông thường, trường hợp phát sinh CTNH phải thực hiện quản lý theo quy định đối với CTNH.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bố trí quỹ đất trong khu xử lý chuyển CTRSH để lưu trữ, xử lý CTR công kênh. Quy định cụ thể vị trí, thời gian tập kết CTR công kênh để thu gom, xử lý tập trung định kỳ hàng tháng; công bố số điện thoại liên hệ và cách thức thu gom để Nhân dân biết, thực hiện.”.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung: Theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (không còn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố). Do đó thẩm quyền quy định địa điểm, thời gian thu gom, vận chuyển chất thải rắn công kênh; các nhiệm vụ liên quan đến bố trí quỹ đất, quy định vị trí, thời gian tập kết và tổ chức thu gom, xử lý chất thải rắn công kênh không còn phù hợp khi giao cho cấp huyện. Việc chỉnh sửa nhằm chuyển giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân cấp xã là cấp trực tiếp quản lý địa bàn, bảo đảm phù hợp với thẩm quyền hiện hành, tránh chồng chéo trách nhiệm và nâng cao hiệu quả quản lý chất thải trên địa bàn.

Điều 5: Sửa đổi, bổ sung Điều 11 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Ủy ban nhân dân cấp xã xác định vị trí, quy mô tiếp nhận CTRSH tại điểm tập kết phù hợp; bảo đảm an toàn giao thông;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Phương tiện vận chuyển CTRSH được phép hoạt động trên các tuyến đường nối từ các điểm thu gom chất thải đến khu, cơ sở xử lý chất thải phải đảm bảo tối ưu về cự ly vận chuyển và tình hình giao thông tại khu vực. Tuyến đường vận chuyển do Ủy ban nhân dân cấp xã quy định và gửi các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, quản lý;”.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung:

+ Thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, hiện nay không còn Ủy ban nhân dân cấp huyện, do đó thẩm quyền xác định vị trí, quy mô tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt tại các điểm tập kết; quy định tuyến đường vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt cho cấp huyện không còn phù hợp khi giao cho cấp huyện. Việc chỉnh sửa nhằm chuyển giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân cấp xã là cấp trực tiếp quản lý địa bàn, nắm rõ điều kiện hạ tầng và tình hình giao thông thực tế qua đó bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức hành chính hiện hành, thống nhất thẩm quyền và bảo đảm an toàn giao thông trong tổ chức thực hiện.

+ Bảo đảm thống nhất với chức năng, nhiệm vụ của các sở chuyên ngành sau sáp nhập (Sở Giao thông vận tải nay là Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) trong công tác theo dõi, quản lý theo quy định hiện hành.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH thực hiện theo quy định Giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn tỉnh Lai Châu của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 sửa như sau:

“2. Đơn giá để lập dự toán kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH thực hiện theo quy định Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh Lai Châu của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 sửa như sau:

“3. Giá, đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này là cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp xã thu, lập dự toán kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH để ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ”.

4. Bãi bỏ khoản 4.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung:

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2969/QĐ-UBND ngày

25/11/2025 quy định giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Đồng thời, Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu đã được bãi bỏ theo Quyết định số 90/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2970/QĐ-UBND ngày 25/11/2025 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy định về Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lai Châu; theo đó, một số đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của UBND tỉnh ban hành bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu đã hết hiệu lực.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

“2. Thời gian vận chuyển chất thải nguy hại đối với phương tiện vận chuyển có hành trình đi qua các tuyến đường thuộc nội thành, nội thị được thực hiện từ 19 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau. Đối với chất thải y tế nguy hại thực hiện vận chuyển vào các ngày trong tháng; đối với chất thải nguy hại khác (trừ chất thải y tế nguy hại) vận chuyển vào ngày 10 và 25 hằng tháng; trường hợp vận chuyển đột xuất phải thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phát sinh, lưu giữ chất thải nguy hại trước khi vận chuyển.”.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung:

+ Thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, hiện nay không còn Ủy ban nhân dân cấp huyện. Do đó, quy định trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện trong trường hợp vận chuyển chất thải nguy hại đột xuất không còn phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy chính quyền hiện hành.

+ Việc chuyển trách nhiệm tiếp nhận thông báo sang Ủy ban nhân dân cấp xã là cần thiết, vì đây là cấp chính quyền trực tiếp quản lý địa bàn nơi phát sinh, lưu giữ chất thải, nắm rõ tình hình thực tế, điều kiện hạ tầng và trật tự an toàn giao thông tại địa phương.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm i khoản 1 như sau:

“i) Giám sát và phản ánh các vấn đề liên quan đến chất lượng cung ứng các dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTR; các vi phạm đối với Quy định này đến Ủy ban nhân dân cấp xã;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Được quyền giám sát và phản ánh các vấn đề liên quan đến giá dịch

vụ hợp đồng, đánh giá chất lượng cung ứng các dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTR theo quy định với các cơ quan chức năng tại địa phương (Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh);”.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung: Thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, hiện nay không còn Ủy ban nhân dân cấp huyện, do đó quy định trách nhiệm phản ánh, kiến nghị đến UBND cấp huyện không còn phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy chính quyền hiện hành. Việc chỉnh sửa nhằm chuyển đầu mối tiếp nhận thông tin, phản ánh của chủ nguồn thải về Ủy ban nhân dân cấp xã là cấp chính quyền trực tiếp quản lý địa bàn, bảo đảm phù hợp với thực tiễn quản lý, thống nhất với mô hình tổ chức chính quyền mới và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực chất thải rắn.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 1 như sau:

“h) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan tuyên truyền, vận động hộ gia đình, chủ nguồn thải thực hiện trách nhiệm quản lý CTR và nghĩa vụ nộp tiền giá dịch vụ.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm m khoản 1 như sau:

“m) Định kỳ trước ngày 10 tháng 01 năm sau, chủ thu gom, vận chuyển CTR báo cáo thống kê danh sách số lượng chủ nguồn thải, khối lượng CTR thu gom, vận chuyển; số lượng, loại phương tiện thu gom, địa bàn thu gom CTR trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường của năm, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã để quản lý hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.”.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung:

+ Thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, hiện nay không còn Ủy ban nhân dân cấp huyện, do đó quy định trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện không còn phù hợp với cơ cấu tổ chức chính quyền hiện hành.

+ Việc chuyển nhiệm vụ phối hợp tuyên truyền, vận động sang Ủy ban nhân dân cấp xã, do Ủy ban nhân dân là cấp chính quyền trực tiếp quản lý địa bàn, gần dân, nắm rõ tình hình thực tế và thuận lợi trong việc tổ chức, triển khai công tác tuyên truyền, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy phạm pháp luật và nâng cao hiệu quả quản lý chất thải trên địa bàn.

+ Bỏ cấp trung gian, chuyển đầu mối tiếp nhận báo cáo về Ủy ban nhân dân cấp xã là cấp trực tiếp quản lý địa bàn thu gom chất thải, đồng thời cập nhật tên cơ quan chuyên môn sau sắp xếp tổ chức (Sở Tài nguyên và Môi trường nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường).

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản tại Điều 21 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

1. Sửa đổi tên khoản 1 và sửa đổi, bổ sung điểm đ, e, g, h khoản 1 như sau:

“1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

đ) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với Ủy ban nhân dân cấp xã;

e) Chủ trì thẩm định phương án giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

“g) Đôn đốc, tổng hợp báo cáo công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTR trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh hàng năm, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;”.

“h) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 đồng thời bãi bỏ khoản 6 như sau:

“2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định quy hoạch vị trí xử lý CTR trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về xây dựng;

b) Tổ chức thẩm định thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng khu xử lý, điểm tập kết, xử lý CTR theo thẩm quyền;

c) Hướng dẫn thủ tục đầu tư xây dựng các điểm, khu xử lý CTR đảm bảo phù hợp với khối lượng được thu gom, phân loại và tình hình thực tế; danh mục chất thải xây dựng.

d) Kiểm tra, xử lý các hành vi tập kết chất thải trái quy định lấn chiếm hành lang an toàn giao thông;

đ) Tổng hợp tuyến đường vận chuyển CTRSH trên địa bàn các xã, phường để quản lý;

e) Giám sát các phương tiện vận chuyển CTRCNTT phải xử lý, CTNH theo quy định”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 đồng thời bãi bỏ khoản 3, bãi bỏ điểm a khoản 4 như sau:

a) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường cho hoạt động quản lý CTR trong dự toán ngân sách hàng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành;

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác thu, chi, quản lý nguồn kinh phí thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH; tổ chức kiểm tra việc thu, chi giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH và quản lý sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường cho hoạt động quản lý CTR.”.

c) Chủ trì xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ đối với hoạt động đầu tư xử lý CTR trên địa bàn

tỉnh. Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các dự án xử lý CTR trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn thực hiện thủ tục đầu tư đối với các dự án xử lý CTR theo phương thức xã hội hóa và các hình thức đầu tư khác;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan ưu tiên cân đối, ưu tiên bố trí vốn đầu tư cho các dự án xử lý CTR đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và dài hạn. Tổng hợp kế hoạch vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng liên quan đến quản lý, xử lý CTR trên địa bàn tỉnh. Đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bố trí vốn đầu tư để giải phóng mặt bằng và các hạ tầng thiết yếu khác đến chân hàng rào theo quy định cho các dự án xây dựng nhà máy xử lý CTR, khu xử lý chất thải tập trung, xây dựng các điểm tập kết CTR;

d) Chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư các dự án xử lý CTR theo quy định;

e) Hướng dẫn tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật để lựa chọn các đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 đồng thời bãi bỏ khoản 11 như sau:

“9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì thực hiện tuyên truyền trực quan, sử dụng pa-nô, áp phích, các vật dụng được in ấn thông tin tuyên truyền, biểu trưng nhận diện thông điệp bảo vệ môi trường tại các khu, địa điểm du lịch, các cửa ngõ ra vào tỉnh, trung tâm các xã;

b) Chủ trì triển khai thí điểm và nhân rộng các mô hình không sử dụng túi nilon tại các khu du lịch, khu di tích lịch sử, danh thắng.

c) Chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện xây dựng hương ước, quy ước ở các địa phương, trong đó có lồng ghép nội dung về bảo vệ môi trường.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền Nghị quyết số 394/NQ-CP ngày 03/12/2025 của Chính phủ về phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường; giảm thiểu phát sinh, phân loại, thu gom, xử lý rác thải vì một Việt Nam sáng - xanh - sạch - đẹp và Chương trình hành động số 8547/CTr-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Thiết lập tài khoản trên các mạng xã hội để tương tác, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường;

e) Chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường; phân loại CTRSH tại nguồn, thu gom rác thải, vệ sinh môi trường; nêu gương các điển hình tiên tiến, lên án biểu hiện, hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 13 như sau:

“13. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và công an cấp xã tăng cường công tác phòng, chống tội phạm về môi trường; kịp thời phát hiện, ngăn

chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật;”.

6. Bãi bỏ điểm a khoản 14.

7. Sửa đổi tên khoản 16 và sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 16 như sau:

“16. Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh

b) Sản xuất các chương trình chuyên đề về hoạt động bảo vệ môi trường, quản lý CTR trên địa bàn; cập nhật, đưa tin về các mô hình hiệu quả, các phong trào hoặc địa phương trong và ngoài tỉnh điển hình trong công tác bảo vệ môi trường; xây dựng và duy trì thường xuyên các chuyên mục, chuyên trang về bảo vệ môi trường trên Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 19 đồng thời bãi bỏ khoản 18 như sau:

“19. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác bảo vệ môi trường; thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý CTRSH, vệ sinh môi trường trên địa bàn. Định kỳ xây dựng và triển khai kế hoạch tổng vệ sinh môi trường tại địa phương;

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường, phân loại, thu gom rác thải, vệ sinh môi trường đến toàn thể nhân dân trên hệ thống phát thanh của xã, phường, thị trấn với tần suất tối thiểu là 2 lần/tuần; thực hiện tuyên truyền theo từng điểm sinh hoạt cộng đồng như trung tâm văn hóa xã, các nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố;

c) Hướng dẫn, chỉ đạo xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện hương ước, quy ước của thôn, bản, tổ dân phố, trong đó có quy định cụ thể về bảo vệ môi trường, phân loại rác thải tại nguồn, quản lý chất thải rắn theo quy định; hình thức xử lý đối với các trường hợp không chấp hành;

d) Tổ chức đấu thầu, giao nhiệm vụ, đặt hàng lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH của hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật. Kí hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; chịu trách nhiệm về chất lượng cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTR trên địa bàn;

đ) Triển khai thí điểm mỗi xã tối thiểu 01 mô hình điểm về cộng đồng cùng chung tay bảo vệ môi trường, thu gom rác thải và vệ sinh môi trường, triển khai nhân rộng trên địa bàn trong các năm tiếp theo;

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thống nhất tuyến đường vận chuyển CTRSH trên địa bàn;

g) Lựa chọn địa điểm quy hoạch các khu xử lý chất thải tập trung. Bố trí quỹ đất, vị trí đổ chất thải từ hoạt động xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước; vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy; xác định, công bố vị trí các điểm tập kết CTRSH, chất thải rắn công kênh; công bố các đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn. Bố trí các thiết bị lưu chứa, thu gom, vận chuyển CTRSH của hộ gia đình, cá nhân để thu gom,

phân loại đảm bảo theo Quy định này;

h) Triển khai các dự án cải tạo, phục hồi môi trường, tái sử dụng đất đối với các bãi chôn lấp rác thải sau khi đóng cửa;

i) Xây dựng lộ trình, tuyến đường thu gom, vận chuyển rác thải từ điểm tập kết của các xã, phường đến điểm xử lý rác thải trên địa bàn, đảm bảo tối ưu về cự ly vận chuyển và tình hình giao thông tại khu vực;

k) Chủ động bố trí kinh phí để thực hiện công tác quản lý CTR trên địa bàn;

l) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường; giám sát giá, chất lượng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH; xử lý vi phạm theo thẩm quyền; kiểm tra, giám sát việc cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH và chất lượng vệ sinh môi trường trên địa bàn quản lý; phát hiện kịp thời các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vi phạm, đổ CTR không đúng nơi quy định. Trực tiếp xem xét, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị có liên quan đến việc cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH; trường hợp vượt quá thẩm quyền báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để giải quyết. Xử lý vi phạm hành chính, vi phạm hợp đồng trong lĩnh vực quản lý CTRSH theo thẩm quyền và phản ánh kịp thời cho cơ quan cấp trên để xử lý theo quy định;

m) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở xử lý CTR quy mô liên xã hoặc có lò đốt thải rắn theo cụm tạo điều kiện hỗ trợ xử lý CTR cho các địa phương khác, có văn bản thống nhất để các địa phương khác vận chuyển CTR đến cơ sở xử lý trên địa bàn để xử lý; chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động của cơ sở xử;

n) Chỉ đạo các khu dân cư, tổ dân phố, làng, bản, cộng đồng dân cư tham gia giữ gìn vệ sinh đường phố, nơi công cộng và hệ thống kênh mương, ao, hồ, sông, suối trên địa bàn, thực hiện quy định về quản lý CTR và đăng ký thực hiện quy ước, hương ước, cam kết giữ gìn vệ sinh;

o) Thực hiện thống kê dữ liệu về các hộ gia đình, chủ nguồn thải và chủ thu gom, vận chuyển CTRSH cung ứng dịch vụ thu gom tại nguồn trên địa bàn;

p) Chủ trì, phối hợp với các chủ thu gom, vận chuyển CTRSH xác định, thông báo thời gian, phương thức chuyển giao CTRSH tại các hộ gia đình, chủ nguồn thải và thời gian chuyển giao CTR tại các điểm tập kết phù hợp đặc điểm của từng khu vực, từng địa bàn phù hợp yêu cầu thực tiễn của địa phương;

q) Khen thưởng các trường hợp cá nhân, hộ gia đình và chủ nguồn thải tham gia thực hiện tốt phong trào, chương trình hoặc đề xuất, góp ý các vấn đề liên quan đến CTR nhằm góp phần bảo vệ môi trường;

r) Định kỳ trước ngày 31 tháng 01 của năm sau báo cáo kết quả triển khai thực hiện quản lý CTR trên địa bàn trong nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.”.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung:

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 21 trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, hiện nay không còn Ủy ban nhân dân cấp huyện; đồng thời cơ cấu tổ chức các sở chuyên môn đã được sắp xếp, trong đó Sở Tài nguyên và Môi trường được tổ chức lại thành Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính hợp nhất với Sở Kế hoạch và Đầu tư thành lập Sở Tài chính; Sở Giao thông vận tải hợp nhất với Sở Xây dựng thành lập Sở Xây dựng; Bộ Tài nguyên và Môi trường thành Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Do đó nội dung chỉnh sửa nhằm chuyển thẩm quyền, trách nhiệm quản lý của UBND cấp huyện sang UBND cấp xã là cấp trực tiếp quản lý địa bàn, đồng thời cập nhật tên cơ quan chuyên môn theo quy định hiện hành, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu lực thi hành của văn bản.

+ Ngày 25/11/2025 UBND tỉnh Lai Châu đã ban hành 02 Quyết định: (1) Quyết định số 2969/QĐ-UBND ban hành Quy định về Giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Lai Châu; (2) Quyết định số 2970/QĐ-UBND ban hành Quy định về Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

+ Tại điểm c khoản 4 Điều 5 Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 28/11/2024 của UBND tỉnh Lai Châu: “4. Phân công cơ quan, đơn vị thực hiện thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của UBND tỉnh c) Sở Tài nguyên và Môi trường: - Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt. - Giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân.”

+ Theo quy định tại khoản 3 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường): “3. Chất thải nguy hại khi vận chuyển phải được lưu chứa và vận chuyển bằng thiết bị, phương tiện phù hợp đến cơ sở xử lý chất thải. Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại phải hoạt động theo tuyến đường và thời gian theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”. Bỏ nội dung thiết bị giám sát hành trình được lắp đặt trên phương tiện vì theo Luật Sửa đổi đã bỏ quy định phương tiện vận chuyển CTRCNTT, CTNH phải lắp định vị.

+ Sở Tài chính: Sửa cho phù hợp quy định hiện nay, Sở Tài chính không còn chức năng thanh tra.

+ Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch: Bỏ tuyên truyền về phòng, chống rác thải nhựa giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 175/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ vì hiện nay đã qua giai đoạn 2021-2025

+ Thuế tỉnh: Bãi bỏ điểm a khoản 14. Vì quy định này không còn phù hợp với Luật Giá.

+ UBND cấp xã: Đối với nội dung “phối hợp với các chủ thu gom, vận chuyển CTRSH xác định, thông báo thời gian, phương thức chuyển giao CTRSH tại các hộ gia đình, chủ nguồn thải và thời gian chuyển giao CTR tại các điểm tập kết phù hợp đặc điểm của từng khu vực, từng địa bàn phù hợp yêu cầu thực tiễn của địa phương”, đề nghị bổ sung từ “chủ trì”.

Lý do: Theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Quyết định số 2969/QĐ-UBND ban hành Quy định về giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Lai Châu, UBND cấp xã được giao nhiệm vụ thực hiện nội dung này.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 22 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

“1. Các Sở, ban, ngành, **Ủy ban nhân dân cấp xã** theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.”.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung: Theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (không tổ chức UBND cấp huyện).

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

“Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì theo dõi việc triển khai quy định này, định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.”.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung: Thay thế Sở Tài nguyên và Môi trường thành Sở Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Tài nguyên và Môi trường thành Bộ Nông nghiệp và Môi trường do thực hiện sáp nhập cơ quan, đơn vị.

3.2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý nước thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

“1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định một số nội dung về quản lý thu gom, xử lý nước thải; lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trong trường hợp chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

b) Quy định này không áp dụng đối với khu đô thị, khu dân cư tập trung hình thành trước ngày 01 tháng 01 năm 2022 mà không bố trí được quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải;

c) Những nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.”.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung:

+ Theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường UBND cấp tỉnh có trách nhiệm: “Ban hành lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư hoặc khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trong trường hợp chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải”.

+ Theo quy định tại khoản 28 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 quy định việc ban hành lộ trình để tổ chức, hộ gia đình trong khu đô thị, khu dân cư tập trung xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận trong trường hợp không bố trí được quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại khu đô thị, khu dân cư tập trung đã hình thành trước ngày 01 tháng 01 năm 2022 và lộ trình thực hiện thu gom, xử lý tại chỗ nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình tại các khu dân cư không tập trung phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành do đó không quy định nội dung trên tại Quyết định này.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

“Điều 4. Quản lý nước thải

Quản lý nước thải phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 57 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 24 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).”.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung: Điều 57 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP đã được bổ sung bởi khoản 24 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP do đó cần sửa đổi, bổ sung điều này để thống nhất với quy định hiện hành.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

“Điều 5. Lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung

1. Đô thị, khu dân cư tập trung đầu tư xây dựng mới phải được bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đảm bảo quy định tại Điều 57 và khoản 1 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải như sau:

a) Đến năm 2030 bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải cho khu dân cư tập trung của 09 xã, gồm: Bản Bo, Bình Lư, Phong Thổ, Mường Kim, Khoen On, Mường Than, Tân Uyên, Pắc Ta, Mường Khoa;

b) Đến năm 2035, bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải cho 50 % khu dân cư tập trung trên địa bàn tỉnh (trừ khu dân cư tập trung được quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều này);

c) Đến năm 2045, bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải cho 100 % đô thị, khu dân cư tập trung trên địa bàn tỉnh;

d) Đối với phường Đoàn Kết, phường Tân Phong và xã Than Uyên, căn cứ vào hiện trạng để đề xuất mở rộng quy mô, nâng công suất của hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung hiện có; lộ trình thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.”.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung:

+ Theo quy định tại khoản 28 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 quy định việc ban hành lộ trình để tổ chức, hộ gia đình trong khu đô thị, khu dân cư tập trung xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận trong trường hợp không bố trí được quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại khu đô thị, khu dân cư tập trung đã hình thành trước ngày 01 tháng 01 năm 2022 và lộ trình thực hiện thu gom, xử lý tại chỗ nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình tại các khu dân cư không tập trung phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành do đó không quy định nội dung trên tại Quyết định này.

+ Tại Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm năm giai đoạn 2026-2030 đề ra chỉ tiêu đến năm 2030 phấn đấu toàn tỉnh có ít nhất 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 được ban hành kèm theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030, tiêu chí 8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường (UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã, đảm bảo tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng biện pháp phù hợp đạt $\geq 50\%$ (đối với xã nhóm 1 phải có ít nhất 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng biện pháp phù hợp)). Tại Báo cáo số 1912/BC-SNNMT ngày 20/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về kết quả rà soát, đánh giá thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới của 36 xã sau

sáp nhập và đề xuất chỉ tiêu giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu, dự kiến kế hoạch thực hiện xây dựng nông thôn mới toàn tỉnh giai đoạn 2026-2030 có 10 xã đạt 19/19 chỉ tiêu. Vì vậy đề xuất xây dựng lộ trình thực hiện đến năm 2030 gồm 9 xã (do xã Than Uyên đã xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung) trên đề đồng bộ và đảm bảo điều kiện đạt nông thôn mới.

+ Đối với phường Đoàn Kết không đề xuất lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư hoặc khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng cho phường do hiện nay trên địa bàn phường Tân Phong đã triển khai xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt công suất 500 m³/ngày (giai đoạn 1), phạm vi thu gom nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất từ các khu dân cư, cơ sở kinh doanh thuộc một số lưu vực thuộc các phường Đoàn Kết, Tân Phong (của thành phố Lai Châu cũ).

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Đô thị, khu dân cư tập trung đầu tư xây dựng mới; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa, trừ trường hợp đặc thù do Chính phủ quy định.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Nước thải từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường. Trường hợp cơ sở hoạt động trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoặc trong khu đô thị, khu dân cư tập trung đã có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải thu gom, xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung; nước thải sau xử lý sơ bộ phải đáp ứng quy định của chủ đầu tư xây dựng hoặc đơn vị quản lý hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung đó.”.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung:

+ Theo quy định khoản 37 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15): “Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung gồm khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao và khu chức năng sản xuất công nghiệp của khu kinh tế” do đó chỉnh sửa nội dung quy định để phù hợp với giải thích từ ngữ được quy định.

+ Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường: “b) Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong đô thị phải được thu gom, xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị; nước thải sau khi xử lý sơ bộ phải đáp ứng quy định của khu đô thị, khu dân cư tập trung hoặc quy định của chính quyền địa phương”; điểm a khoản 3 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường: “a) Nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công

nghiệp được thu gom và xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải công nghiệp theo yêu cầu của chủ đầu tư xây dựng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp bảo đảm nước thải phải được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường”.

+ Bổ cụm từ “trừ trường hợp cơ sở đã được miễn trừ đầu nối nước thải trước ngày 01 tháng 01 năm 2022” do theo thực tế trên địa bàn tỉnh Lai Châu không có cơ sở nào được miễn trừ đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung, vì vậy đề xuất bổ quy định này.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

“1. Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ sở hữu hoặc ủy quyền, phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước:

- a) Được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- b) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới;
- c) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh khai thác công trình thoát nước có thời hạn.”.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung: Chính sửa theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

“2. Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ đầu tư hệ thống thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ. Đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn mà Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ năng lực thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao cho đơn vị có đủ năng lực làm chủ đầu tư.”.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung: Chính sửa theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

“2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Tách riêng hệ thống thu gom nước mưa và nước thải trước khi đưa nước thải vào công trình, thiết bị xử lý nước thải;
- b) Lựa chọn, xây dựng, lắp đặt công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ phù hợp với địa điểm xây dựng, lắp đặt và quy mô công suất, đảm bảo đáp ứng

quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ và các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Công suất của công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ phải phù hợp với lượng nước thải phát sinh tối đa.

c) Có các giải pháp thu gom, phân loại, xử lý hoặc chuyển giao bùn thải phát sinh từ công trình, thiết bị xử lý.”.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung: Chính sửa, bổ sung quy định theo quy định tại mục 5.3 phần 5 QCVN 98:2025/BNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ:

“5.3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ

5.3.1. Lựa chọn, xây dựng, lắp đặt công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ phù hợp với địa điểm xây dựng, lắp đặt và quy mô công suất, đảm bảo đáp ứng quy định tại Quy chuẩn này và các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Công suất của công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ phải phù hợp với lượng nước thải phát sinh tối đa.

5.3.2. Lựa chọn tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định để lấy, phân tích mẫu thử nghiệm nước thải sau xử lý của công trình xử lý nước thải tại chỗ theo quy định. Nghiệm thu công trình xử lý nước thải tại chỗ khi đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường tại mục 2 Quy chuẩn này.

5.3.3. Vận hành công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đúng quy định, bảo đảm giá trị giới hạn các thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý đáp ứng giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.2 Quy chuẩn này; thực hiện trách nhiệm vận hành quy định tại mục 2.3 Quy chuẩn này và theo khuyến cáo của tổ chức, cá nhân cung cấp công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ; quan trắc nước thải theo quy định.”.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản tại Điều 12 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

1. Sửa đổi tên khoản 1 và bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 1 đồng thời bãi bỏ khoản 5 như sau:

“1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

e) Chỉ đạo các đơn vị được giao quản lý hệ thống các công trình thủy lợi liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung phối hợp với đơn vị thoát nước trong việc bảo đảm yêu cầu về cao độ và vị trí xả thải để thoát nước, chống úng ngập và bảo vệ công trình thủy lợi;”.

2. Bổ sung điểm i vào sau điểm h khoản 2 đồng thời bãi bỏ khoản 7 như sau:

“i) Chủ trì và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh có liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý theo quy định hiện hành.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b và bổ sung điểm c, d, đ vào sau điểm b khoản 3 đồng thời bãi bỏ khoản 4 như sau:

“b) Bảo đảm cân đối vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý về tài chính đối với các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh;

c) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về lộ trình và chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ trong lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 146/2025/QH15);

d) Làm đầu mối đăng ký với các Bộ, ngành Trung ương kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải;

đ) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung để kêu gọi đầu tư theo hình thức xã hội hóa.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 như sau:

“10. Các Sở, ban, ngành liên quan

Các Sở, ban, ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp với các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, khu dân cư không tập trung.”.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung:

+ Thay đổi tên “Sở Tài nguyên và Môi trường” thành “Sở Nông nghiệp và Môi trường” do thực hiện sáp nhập các Sở, ban, ngành.

+ Chỉnh sửa, bổ sung để phù hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sau sắp xếp lại các cơ quan đơn vị và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.

+ Theo quy định tại điểm c, d khoản 5 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Luật 146/2025/QH15: “c) *Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành lộ trình và chính sách hỗ trợ để tổ chức, hộ gia đình trong khu đô thị, khu dân cư tập trung xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận trong trường hợp không bố trí được quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại khu đô thị, khu dân cư tập trung đã hình thành trước ngày 01 tháng 01 năm 2022; d) Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành lộ trình thực hiện và chính sách hỗ trợ thu gom, xử lý tại chỗ nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình tại các khu dân cư không tập trung.*”, vì vậy sửa đổi nhiệm vụ của Sở Tài chính để phù hợp với quy định mới.

Điều 21. Bãi bỏ Điều 13 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Căn cứ bãi bỏ: Theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (không còn Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

“Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Quản lý nhà nước về nước thải sinh hoạt theo phân cấp quản lý và thực hiện các nhiệm vụ được giao, ủy quyền trên địa bàn.
2. Triển khai thực hiện lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung quy định tại Điều 5 Quy định này trên địa bàn.
3. Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải quy định tại khoản 4 Điều 8 Quy định này.
4. Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc theo dõi, kiểm tra nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý hoạt động thu gom, thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn.
5. Phối hợp với cơ quan liên quan trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thu gom, xử lý, thoát nước trên địa bàn.
6. Đầu tư, nâng cấp hệ thống thoát nước và xử lý nước thải theo quy định của pháp luật.
7. Tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải.
8. Báo cáo công tác quản lý hoạt động thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn quản lý theo nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm và đột xuất theo yêu cầu.”.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung: Chuyển trách nhiệm của UBND cấp huyện cho UBND cấp xã sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.

Điều 23. Thay thế một số cụm từ tại các điểm, khoản, điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định sau đây:

1. Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 9 Điều 12; Điều 17.
2. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện”; “Ủy ban nhân dân xã, phường” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại điểm d khoản 1, điểm c khoản 2, khoản 9 Điều 12.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung: Thay thế theo các đơn vị do thay đổi khi thực hiện sáp nhập và chính quyền địa phương 02 cấp.

3.3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 6 Điều 62 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 5 Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Việc phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải y tế nguy hại trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế thực hiện theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.”.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung: Sửa đổi làm rõ phạm vi điều chỉnh của quy định cụ thể theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ sở y tế, bao gồm: cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có giấy phép hoạt động theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng, cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở nghiên cứu, xét nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, thử nghiệm y, dược, khu cách ly y tế có phát sinh chất thải rắn y tế; các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động liên quan đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Lai Châu.”.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung: Bổ sung thêm khu cách ly y tế để phù hợp với thực tiễn nếu có phát sinh dịch bệnh trên địa bàn tỉnh.

Điều 26. Bổ sung khoản 10 vào sau khoản 9 Điều 3 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

“10. Khu cách ly y tế là nơi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập để thu dung, điều trị ca bệnh truyền nhiễm trong trường hợp dịch bệnh bùng phát.”.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung: Bổ sung thêm khoản 10 để phù hợp với thực tiễn khi được cấp có thẩm quyền thành lập Khu cách ly.

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

“Điều 7. Thông tin về tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thông báo công khai thông tin về tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý

chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh hoặc tại các tỉnh khác do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cung cấp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.”.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung: Sửa đổi thay cụm từ “Tài nguyên và Môi trường” thành “Nông nghiệp và Môi trường” do sáp nhập và đổi tên cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

“Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Quy định này; chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, các cơ quan có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất quá trình thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh;

b) Công khai thông tin về các cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh;

d) Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm có tích hợp báo cáo kết quả công tác quản lý chất thải rắn y tế nguy hại theo quy định tại Điều 118 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 3 Điều 63 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Quy định này; tổ chức tập huấn, hướng dẫn các cơ sở y tế thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại theo đúng quy định;

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường và tuân thủ các quy định về quản lý chất thải rắn y tế nguy hại của các cơ sở y tế; nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh;

c) Phối hợp với Sở Tài chính đề xuất phân bổ kinh phí đầu tư, nâng cấp, vận hành công trình, thiết bị, hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đối với các cơ sở y tế thuộc thẩm quyền quản lý;

d) Công khai thông tin về các cơ sở xử lý cho cụm cơ sở y tế trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan; chỉ đạo các cơ sở y tế xây dựng, bố trí kinh phí và triển khai thực hiện Quy định này.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Sở Y tế và căn cứ khả năng cân đối ngân sách hàng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí xử lý chất thải rắn y

tế cho các cơ sở y tế theo lộ trình cụ thể và mức độ tự chủ tài chính của từng đơn vị, bảo đảm theo quy định.

4. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các hoạt động phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan đến tội phạm trong việc thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế trong việc quản lý nhà nước về chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quản lý chất thải rắn y tế trên địa bàn theo quy định. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn thường xuyên kiểm tra xử lý, giải quyết công tác quản lý chất thải rắn y tế tại các cơ sở y tế trên địa bàn.

6. Trách nhiệm của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh

a) Thực hiện quản lý chất thải rắn y tế theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Thông tư số 20/2021/TT-BYT và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

b) Phân công lãnh đạo cơ sở y tế phụ trách về công tác quản lý chất thải rắn y tế; bố trí cán bộ chuyên trách về công tác quản lý chất thải rắn y tế; giao nhiệm vụ khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn hoặc khoa, phòng, bộ phận phụ trách về công tác quản lý chất thải rắn y tế, bố trí người của cơ sở y tế hoặc phối hợp với đơn vị bên ngoài để thực hiện vận hành công trình, thiết bị, hệ thống xử lý chất thải rắn y tế phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ (đối với cơ sở y tế tự xử lý chất thải);

c) Xây dựng kế hoạch quản lý chất thải rắn y tế hoặc tích hợp trong kế hoạch hoạt động chung hằng năm của cơ sở y tế; bố trí kinh phí để thực hiện việc quản lý chất thải rắn y tế;

d) Thực hiện việc xác định các loại chất thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở y tế để áp dụng biện pháp quản lý phù hợp theo quy định của Thông tư số 20/2021/TT-BYT;

đ) Thực hiện yêu cầu về kế hoạch, biện pháp, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải theo quy định của pháp luật (trong đó bao gồm cả phương án xử lý trong trường hợp lượng chất thải rắn y tế gia tăng bất thường do dịch bệnh hoặc lý do bất khả kháng);

e) Tổ chức đào tạo, tập huấn, truyền thông, phổ biến cho viên chức, người lao động và các đối tượng có liên quan các quy định về quản lý chất thải rắn y tế.

g) Bố trí đủ kinh phí, nhân lực hoặc ký hợp đồng với đơn vị bên ngoài để thực hiện việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế;

h) Báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 20/2021/TT-BYT;

i) Các cơ sở y tế chưa có công trình xử lý chất thải y tế nguy hại đã ký hợp đồng xử lý chất thải y tế với các cơ sở có chức năng xử lý trước ngày thời điểm Quy định này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời hiệu của hợp đồng.”.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung: Sửa đổi tên điều, thay cụm từ “Tài nguyên và Môi trường” thành “Nông nghiệp và Môi trường” do sáp nhập và đổi tên cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; bổ xung thêm các nội dung theo quy định về trách nhiệm của cơ quan quản lý như Sở Tài chính để thực hiện phân bổ nguồn lực thực hiện nhiệm vụ, Công an tỉnh để thực hiện phòng chống tội phạm về môi trường; UBND cấp xã thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn bỏ UBND các huyện thành phố theo chính quyền địa phương 2 cấp.

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

Thay thế cụm từ “Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường”

Căn cứ sửa đổi, bổ sung: Sửa đổi thay cụm từ “Tài nguyên và Môi trường” thành “Nông nghiệp và Môi trường” do sáp nhập và đổi tên cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.

Điều 30. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 1 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Căn cứ sửa đổi, bổ sung: Sửa đổi tên các Trung tâm y tế tại Thông báo số 116-TB/TU ngày 30/12/2025 của Tỉnh ủy Lai Châu sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh; đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Y tế.

3.4. Điều khoản thi hành.

Điều 31. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính; Xây dựng, Sở Y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Nguồn lực và điều kiện bảo đảm thi hành văn bản

- Dự kiến nguồn lực tài chính để thi hành Quyết định như sau:
 - + Từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương.
 - + Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Dự kiến nguồn nhân lực thực hiện Quyết định: Sử dụng nguồn nhân lực sẵn có của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Quyết định:

+ Sau khi Quyết định được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các Sở, cơ quan liên quan ban hành các văn bản để triển khai, tổ chức thực hiện.

+ Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tư pháp, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Công báo tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện phổ biến, đăng tải Quyết định trên trang thông tin điện tử, trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành của cơ quan, đơn vị, địa phương để thực hiện.

2. Thời gian trình ban hành văn bản

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan hoàn thiện hồ sơ trình trình Ủy ban nhân dân tỉnh vào phiên họp tháng 3 năm 2026.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Lai Châu, Sở Nông nghiệp và Môi trường xin kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo các tài liệu: (1) Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; (2) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; (3) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (4) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, MTK, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngô Xuân Hùng

Phụ lục I
CỤM XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND
ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Tên cơ sở xử lý theo mô hình cụm	Mô tả công nghệ xử lý				Phạm vi thực hiện	Đơn vị vận chuyển
		Loại công nghệ	Công suất thiết kế (kg/h)	Thời gian lắp đặt	Tình trạng hoạt động		
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Lò hấp	50-70 kg/giờ	2019	Đang dừng hoạt động	Thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở hành nghề y tư nhân, các Trạm Y tế trên địa bàn các xã, phường: Tân Phong, Đoàn Kết, Lê Lợi, Nậm Hàng, Mường Mô, Hua Bum.	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
		Lò đốt	50-70 kg/giờ	2015	Đang hoạt động, xuống cấp		
2	Bệnh viện đa khoa Than Uyên	Lò hấp	25 - 35 kg/giờ	2019	Đang hoạt động, xuống cấp	Thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại phát sinh tại đơn vị, Trạm Y tế và các cơ sở hành nghề y tư nhân trên địa bàn các xã: Than Uyên, Mường Than, Mường Kim, Khoen On.	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
		Lò đốt	30 kg/giờ	2012			
3	Bệnh viện đa khoa Tân Uyên	Lò đốt	25kg/giờ	2014	Đang hoạt động	Thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại phát sinh tại đơn vị; Trạm Y tế và các cơ sở hành nghề y tư nhân trên địa bàn các xã: Tân Uyên, Pắc Ta, Nậm Sỏ, Mường Khoa.	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
4	Bệnh viện đa khoa Tam Đường	Lò đốt	50kg/giờ	2022	Đang hoạt động	Thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại phát sinh tại đơn vị, Trạm Y tế và các cơ sở hành nghề y tư nhân trên địa bàn	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận

						các xã: Bản Bo, Bình Lư, Tả Lềng, Khun Há.	chuyển
5	Bệnh viện đa khoa Phong Thổ	Lò đốt	25kg/giờ	2009	Đang hoạt động, xuống cấp	Thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại phát sinh tại đơn vị, Trạm Y tế và các cơ sở hành nghề y tư nhân trên địa bàn các xã: Sin Suối Hồ, Phong Thổ, Đào San, Sìn Hồ, Lào, Không Lào.	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
6	Bệnh viện đa khoa Sìn Hồ	Lò đốt	25 kg/giờ	2013	Đang hoạt động	Thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại phát sinh tại đơn vị, Trạm Y tế và các cơ sở hành nghề y tư nhân trên địa bàn các xã: Sìn Hồ, Tủa Sín Chải, Hồng Thu, Lê Lợi, Pa Tần	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
7	Bệnh viện đa khoa Mường Tè	Lò đốt	25 kg/giờ	2014	Đang hoạt động	Thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại phát sinh tại đơn vị, Trạm Y tế và các cơ sở hành nghề y tư nhân trên địa bàn các xã: Bum Nưa, Bum Tở, Mường Tè, Thu Lũm, Pa Ủ, Tà Tổng, Mù Cả.	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
8	Bệnh viện đa khoa Pa Há	Lò đốt	25 kg/giờ	2017	Đang hoạt động	Thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại phát sinh tại đơn vị và Trạm Y tế các xã: Nậm Tăm, Pu Sam Cáp, Nậm Mạ, Nậm Cuối.	Tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển